

THÔNG BÁO THU TIỀN THÁNG 9/2023

KHỐI 6, 7, 8

Đối với học sinh bán trú có TCTA (Từ lớp 6/1 đến 6/6, 7/1 đến 7/6, 8/1 đến lớp 8/3)

Nội dung	Tháng 9/2023	NH 2023-2024	Thành tiền
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn ngoại ngữ	41,000		41,000
Tiền tổ chức 2 buổi/ngày	170,000		170,000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	200,000		200,000
Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	80,000		80,000
Tiền vệ sinh bán trú	20,000		20,000
Tiền suất ăn trưa bán trú (T9/2023:18 ngày,T10/2023:22 ngày)x 32,000d/ngày	576,000		576,000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ HS bán trú		170,000	170,000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý bán trú	170,000		170,000
Tiền nước uống đối với HS bán trú	13,000		13,000
Tiền dịch vụ tiện ích UDCNTT và chuyển đổi số (Đối với học sinh có đăng ký tham gia): - Số liên lạc điện tử: 15.000d/1 tháng - Ứng dụng dạy học, ôn tập trực tuyến: 12.000d/1 tháng	27,000		27,000
Tiền học phẩm học sinh (In đề,giấy kiểm tra,giấy nháp)		50,000	50,000
Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu		17,500	17,500
Tổng cộng:	1,297,000	237,500	1,534,500

Đối với học sinh không bán trú có TCTA (Từ lớp 6/1 đến 6/6, 7/1 đến 7/6, 8/1 đến lớp 8/3)

Nội dung	Tháng 9/2023	NH 2023-2024	Thành tiền
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn ngoại ngữ	41,000		41,000
Tiền tổ chức 2 buổi/ngày	170,000		170,000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	200,000		200,000
Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	80,000		80,000
Tiền dịch vụ tiện ích UDCNTT và chuyển đổi số (Đối với học sinh có đăng ký tham gia): - Số liên lạc điện tử: 15.000d/1 tháng - Ứng dụng dạy học, ôn tập trực tuyến: 12.000d/1 tháng	27,000		27,000
Tiền học phẩm học sinh (In đề,giấy kiểm tra,giấy nháp)		50,000	50,000
Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu		17,500	17,500
Tổng cộng:	518,000	67,500	585,500

Đối với học sinh bán trú không TCTA (Từ lớp 6/7 đến 6/13, 7/7 đến 7/11, 8/4 đến lớp 8/9)

Nội dung	Tháng 9/2023	NH 2023-2024	Thành tiền
Tiền tổ chức 2 buổi/ngày	170,000		170,000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	100,000		100,000
Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	80,000		80,000
Tiền vệ sinh bán trú	20,000		20,000
Tiền suất ăn trưa bán trú (T9/2023:18 ngày,T10/2023:22 ngày)x 32,000d/ngày	576,000		576,000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ HS bán trú		170,000	170,000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý bán trú	170,000		170,000
Tiền nước uống đối với HS bán trú	13,000		13,000
Tiền dịch vụ tiện ích UDCNTT và chuyển đổi số (Đối với học sinh có đăng ký tham gia): - Số liên lạc điện tử: 15.000d/1 tháng - Ứng dụng dạy học, ôn tập trực tuyến: 12.000d/1 tháng	27,000		27,000
Tiền học phẩm học sinh (In đề,giấy kiểm tra,giấy nháp)		50,000	50,000
Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu		17,500	17,500
Tổng cộng:	1,156,000	237,500	1,393,500

Đối với học sinh không bán trú không TCTA (Từ lớp 6/14 đến 6/18, 7/12 đến 7/14, 8/10 đến lớp 8/12)

Nội dung	Tháng 9/2023	NH 2023-2024	Thành tiền
Tiền tổ chức 2 buổi/ngày	170,000		170,000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	100,000		100,000
Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	80,000		80,000
Tiền dịch vụ tiện ích UDCNTT và chuyển đổi số (Đối với học sinh có đăng ký tham gia): - Số liên lạc điện tử: 15.000d/1 tháng - Ứng dụng dạy học, ôn tập trực tuyến: 12.000d/1 tháng	27,000		27,000
Tiền học phẩm học sinh (In đề,giấy kiểm tra,giấy nháp)		50,000	50,000
Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu		17,500	17,500
Tổng cộng:	377,000	67,500	444,500



Ngày 12 tháng 10 năm 2023

Hiệu trưởng

Nguyễn Hồng Đức

THÔNG BÁO THU TIỀN THÁNG 10/2023

KHỐI 6, 7, 8

Đối với học sinh bán trú có TCTA (Từ lớp 6/1 đến 6/6, 7/1 đến 7/6, 8/1 đến lớp 8/3)

Nội dung	Tháng 10/2023	Thành tiền
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn ngoại ngữ	41,000	41,000
Tiền tổ chức 2 buổi/ngày	170,000	170,000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	200,000	200,000
Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	80,000	80,000
IC3 (Đối với học sinh có đăng ký tham gia)	180,000	180,000
Tiền vệ sinh bán trú	20,000	20,000
Tiền suất ăn trưa bán trú (T9/2023:18 ngày, T10/2023:22 ngày)x 32,000d/ngày	704,000	704,000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý bán trú	170,000	170,000
Tiền nước uống đối với HS bán trú	13,000	13,000
Tiền dịch vụ tiện ích UDCNTT và chuyển đổi số (Đối với học sinh có đăng ký tham gia): - Số liên lạc điện tử: 15.000d/1 tháng - Ứng dụng dạy học, ôn tập trực tuyến: 12.000d/1 tháng	27,000	27,000
Tổng cộng:	1,605,000	1,605,000

Đối với học sinh không bán trú có TCTA (Từ lớp 6/1 đến 6/6, 7/1 đến 7/6, 8/1 đến lớp 8/3)

Nội dung	Tháng 10/2023	Thành tiền
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn ngoại ngữ	41,000	41,000
Tiền tổ chức 2 buổi/ngày	170,000	170,000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	200,000	200,000
Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	80,000	80,000
IC3 (Đối với học sinh có đăng ký tham gia)	180,000	180,000
Tiền dịch vụ tiện ích UDCNTT và chuyển đổi số (Đối với học sinh có đăng ký tham gia): - Số liên lạc điện tử: 15.000d/1 tháng - Ứng dụng dạy học, ôn tập trực tuyến: 12.000d/1 tháng	27,000	27,000
Tổng cộng:	698,000	698,000

Đối với học sinh bán trú không TCTA (Từ lớp 6/7 đến 6/13, 7/7 đến 7/11, 8/4 đến lớp 8/9)

Nội dung	Tháng 10/2023	Thành tiền
Tiền tổ chức 2 buổi/ngày	170,000	170,000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	100,000	100,000
Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	80,000	80,000
IC3 (Đối với học sinh có đăng ký tham gia)	180,000	180,000
Tiền vệ sinh bán trú	20,000	20,000
Tiền suất ăn trưa bán trú (T9/2023:18 ngày, T10/2023:22 ngày)x 32,000d/ngày	704,000	704,000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý bán trú	170,000	170,000
Tiền nước uống đối với HS bán trú	13,000	13,000
Tiền dịch vụ tiện ích UDCNTT và chuyển đổi số (Đối với học sinh có đăng ký tham gia): - Số liên lạc điện tử: 15.000d/1 tháng - Ứng dụng dạy học, ôn tập trực tuyến: 12.000d/1 tháng	27,000	27,000
Tổng cộng:	1,464,000	1,464,000

Đối với học sinh không bán trú không TCTA (Từ lớp 6/14 đến 6/18, 7/12 đến 7/14, 8/10 đến lớp 8/12)

Nội dung	Tháng 10/2023	Thành tiền
Tiền tổ chức 2 buổi/ngày	170,000	170,000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	100,000	100,000
Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	80,000	80,000
IC3 (Đối với học sinh có đăng ký tham gia)	180,000	180,000
Tiền dịch vụ tiện ích UDCNTT và chuyển đổi số (Đối với học sinh có đăng ký tham gia): - Số liên lạc điện tử: 15.000d/1 tháng - Ứng dụng dạy học, ôn tập trực tuyến: 12.000d/1 tháng	27,000	27,000
Tổng cộng:	557,000	557,000



Ngày 12 tháng 10 năm 2023

Hiệu trưởng

Nguyễn Hồng Đức

THÔNG BÁO THU TIỀN THÁNG 9/2023

KHỐI 9

Đối với học sinh bán trú (Từ lớp 9/1 đến 9/12)

Nội dung	Tháng 9/2023	NH 2023-2024	Thành tiền
Tiền tổ chức 2 buổi/ngày	170,000		170,000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	100,000		100,000
Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	80,000		80,000
Tiền vệ sinh bán trú	20,000		20,000
Tiền suất ăn trưa bán trú (T9/2023:18 ngày, T10/2023:22 ngày)x 32,000đ/ngày	576,000		576,000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ HS bán trú		170,000	170,000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý bán trú	170,000		170,000
Tiền nước uống đối với HS bán trú	13,000		13,000
Tiền dịch vụ tiện ích UDCNTT và chuyển đổi số (Đối với học sinh có đăng ký tham gia): - Số liên lạc điện tử - Ứng dụng dạy học, ôn tập trực tuyến	27,000		27,000
Tiền học phẩm học sinh (In đề,giấy kiểm tra,giấy nháp)		50,000	50,000
Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu		17,500	17,500
Tổng cộng:	1,156,000	237,500	1,393,500

Đối với học sinh không bán trú (Từ lớp 9/13 đến 9/16)

Nội dung	Tháng 9/2023	NH 2023-2024	Thành tiền
Tiền tổ chức 2 buổi/ngày	170,000		170,000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	100,000		100,000
Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	80,000		80,000
Tiền dịch vụ tiện ích UDCNTT và chuyển đổi số (Đối với học sinh có đăng ký tham gia): - Số liên lạc điện tử - Ứng dụng dạy học, ôn tập trực tuyến	27,000		27,000
Tiền học phẩm học sinh (In đề,giấy kiểm tra,giấy nháp)		50,000	50,000
Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu		17,500	17,500
Tổng cộng:	377,000	67,500	444,500



Ngày 12 tháng 10 năm 2023

Hiệu trưởng

Nguyễn Hồng Đức

**THÔNG BÁO THU TIỀN THÁNG 10/2023
KHỐI 9**

Đối với học sinh bán trú (Từ lớp 9/1 đến 9/12)

Nội dung	Tháng 10/2023	Thành tiền
Tiền tổ chức 2 buổi/ngày	170,000	170,000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	100,000	100,000
Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	80,000	80,000
Tiền vệ sinh bán trú	20,000	20,000
Tiền suất ăn trưa bán trú (T9/2023:18 ngày,T10/2023:22 ngày)x 32,000đ/ngày	704,000	704,000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý bán trú	170,000	170,000
Tiền nước uống đối với HS bán trú	13,000	13,000
Tiền dịch vụ tiện ích UDCNTT và chuyển đổi số (Đối với học sinh có đăng ký tham gia): - Số liên lạc điện tử - Ứng dụng dạy học, ôn tập trực tuyến	27,000	27,000
Tổng cộng:	1,284,000	1,284,000

Đối với học sinh không bán trú (Từ lớp 9/13 đến 9/16)

Nội dung	Tháng 10/2023	Thành tiền
Tiền tổ chức 2 buổi/ngày	170,000	170,000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	100,000	100,000
Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	80,000	80,000
Tiền dịch vụ tiện ích UDCNTT và chuyển đổi số (Đối với học sinh có đăng ký tham gia): - Số liên lạc điện tử - Ứng dụng dạy học, ôn tập trực tuyến	27,000	27,000
Tổng cộng:	377,000	377,000

Ngày 12 tháng 10 năm 2023
 Hiệu trưởng

 Nguyễn Hồng Đức